

Số: 16/2020/QĐST-DS

Hồng Ngự, ngày 06 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; Địa chỉ: 169 Phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp 1, xã Thường Lạc, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bị đơn bà Phạm Thị T thống nhất trả cho Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện Hồng Ngự số tiền vay Nhà vượt lũ đồng bằng sông cửu long: nợ gốc 9.000.000đ, nợ lãi 594.508 đồng, tiền vay Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn: nợ gốc 17.250.000 đồng, nợ lãi 3.574.892 đồng, tiền vay hộ cận nghèo: nợ gốc 15.000.000 đồng, nợ lãi 2.773.306 đồng (nợ lãi tính đến ngày 05/02/2020). Tổng cộng gốc và lãi của ba món vay còn nợ lại số tiền là 48.192.706 đồng (Bốn mươi tám triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm lẻ sáu đồng) và tiếp tục trả lãi theo các khế ước vay số 6000005100214137, 6600000706501388, 6600000709297742 cho đến khi nào trả nợ xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị T là cá nhân hộ cận nghèo và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí Tòa án ngày 28/4/2020 nên được miễn nộp

tiền án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Nông Phú